

# GIÁM SÁT TÀI CHÍNH TẠI CÁC TẬP ĐOÀN KINH TẾ, TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

TS. Đặng Phương Mai\*

*Giám sát tài chính đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo toàn và nâng cao hiệu quả vốn đầu tư nhà nước tại các tập đoàn kinh tế (TĐKT), tổng công ty nhà nước (TCTNN). Trong phạm vi bài viết, tác giả sẽ tập trung làm rõ khung lý thuyết về hoạt động giám sát tài chính và nghiên cứu thực trạng hoạt động giám sát tài chính tại TCT thép Việt Nam.*

• Từ khóa: giám sát tài chính, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, Tổng công ty Thép Việt Nam.

*Financial supervision plays an important role in preserving and enhancing the efficiency of using state capital in State owned Economic Groups and State-Owned Corporation. In this study, the authors will focus on clarifying the theoretical framework of financial supervision and researching on empirical financial supervision in Vietnam Steel Corporation.*

• Keywords: financial supervision, state-owned economic groups, state-owned corporation, Vietnam Steel Corporation.

Ngày nhận bài: 3/11/2018

Ngày chuyển phần biên: 7/11/2018

Ngày nhận phần biên: 15/11/2018

Ngày chấp nhận đăng: 20/11/2018

## 1. Giới thiệu

Phát triển các TĐKT nhà nước là một yêu cầu tất yếu đối với các quốc gia nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế. Kinh nghiệm của các nước trên thế giới cho thấy, các TĐKT thường đóng vai trò trụ cột trong nền kinh tế, nắm giữ các lĩnh vực then chốt và là động lực cho quá trình phát triển kinh tế. Tuy nhiên, trong những năm gần đây các TĐKT nhà nước ở nước ta đã và đang bộc lộ nhiều bất cập như: hoạt động kém hiệu quả, kinh doanh thua lỗ, mắc sai phạm trong đầu tư và quản lý vốn, tài sản của nhà nước. Một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thực trạng trên là do hoạt động giám sát tài

chính tại các TĐKT nhà nước hiện nay chưa hiệu quả. Những bài học đắt giá về sự lỏng lẻo trong quản lý vốn và tài sản của nhà nước đã từng xảy ra tại Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, TCT Xây lắp dầu khí, TCT Hàng hải Việt Nam, TCT viễn thông Mobifone... cho thấy việc tăng cường hoạt động giám sát tài chính tại các TĐKT nhà nước là một đòi hỏi cấp bách cần có nghiên cứu cụ thể và có giải pháp hoàn thiện.

## 2. Cơ sở lý luận về giám sát tài chính tại các Tập đoàn kinh tế, TCT nhà nước

### 2.1. Các vấn đề chung về giám sát tài chính tại các Tập đoàn kinh tế, TCT nhà nước

Giám sát tài chính tại các TĐKT, TCTNN là nội dung quan trọng trong công tác quản lý vốn đầu tư của nhà nước tại các doanh nghiệp (DN). Theo Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của chính phủ, giám sát tài chính được hiểu là việc theo dõi, kiểm tra, thanh tra, đánh giá các vấn đề về tài chính, chấp hành chính sách pháp luật về tài chính tại các DN có vốn đầu tư của nhà nước. Chủ sở hữu sử dụng các phương thức và các chỉ tiêu giám sát để thực hiện việc giám sát tài chính của mình đối với các hoạt động của DN, nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động và phát hiện những rủi ro để cảnh báo cho công tác quản lý điều hành.

Hoạt động giám sát tài chính có thể được thực hiện theo nhiều phương thức khác nhau, song trên thực tế, có hai phương thức giám sát chủ yếu thường được sử dụng là giám sát trực tiếp và giám sát gián tiếp. Theo đó, giám sát trực tiếp

\* Học viện Tài chính

là việc kiểm tra, thanh tra trực tiếp tại DN; giám sát gián tiếp là việc theo dõi và kiểm tra tình hình của DN thông qua báo cáo của DN. Cơ sở để thực hiện giám sát gián tiếp là các báo cáo tài chính, thống kê và báo cáo khác theo quy định của pháp luật và của chủ sở hữu.

Phương thức giám sát trực tiếp hay gián tiếp đều được thực hiện theo ba giai đoạn: (1) Giám sát trước, (2) Giám sát trong, (3) Giám sát sau, trong đó:

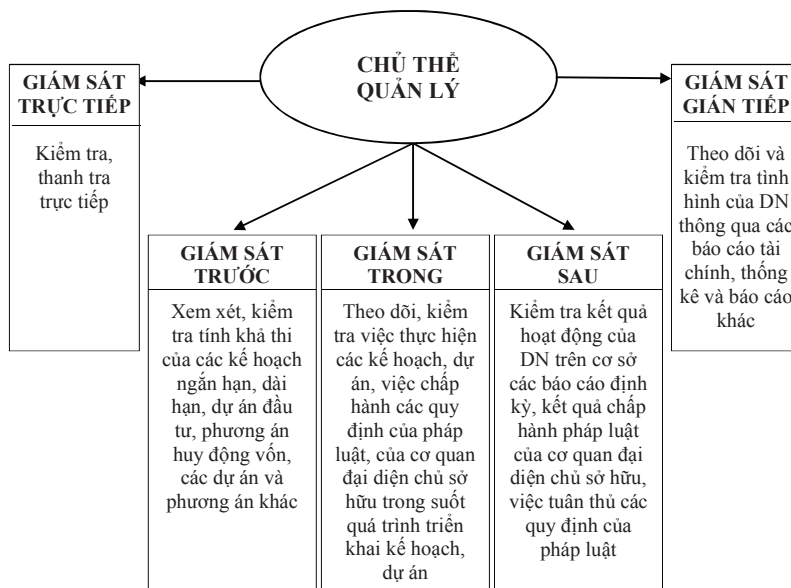
- *Giám sát trước*: Là việc xem xét, kiểm tra tính khả thi của các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn, dự án đầu tư, phương án huy động vốn, các dự án và phương án khác của DN.

- *Giám sát trong*: Là việc theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch, dự án của DN, việc chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan đại diện chủ sở hữu trong suốt quá trình triển khai kế hoạch, dự án.

- *Giám sát sau*: Là việc kiểm tra kết quả hoạt động của DN trên cơ sở các báo cáo định kỳ, kết quả chấp hành pháp luật của cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc điều lệ DN, việc tuân thủ các quy định của pháp luật.

Hệ thống các phương thức giám sát được thể hiện qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ: Phương thức giám sát tài chính tại các DN có vốn đầu tư của Nhà nước**



**2.2. Nội dung giám sát tài chính tại TĐKT, TCT nhà nước**

Nội dung giám sát tài chính tại TĐKT, TCTNN đã được quy định cụ thể tại hệ thống các văn bản gồm: (1) Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của chính phủ, (2) Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính. Theo đó, hoạt động giám sát tài chính bao gồm ba nội dung chính: (1) Giám sát tình hình bảo toàn và phát triển vốn; (2) Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản, (3) Giám sát tình hình sản xuất kinh doanh (SXKD) và tình hình tài chính. Nội dung giám sát tài chính được quy định cụ thể như sau:

- Giám sát tình hình bảo toàn và phát triển vốn: chủ thể quản lý đánh giá sự thay đổi của vốn chủ sở hữu thông qua chỉ tiêu hệ số bảo toàn vốn nhà nước (H).

$$H = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo}}{\text{Vốn chủ sở hữu cuối kỳ trước liền kề với kỳ báo cáo}}$$

- Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản: Bao gồm giám sát tình hình đầu tư dự án, tình hình đầu tư vốn ra ngoài DN, tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động, tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả.

- Giám sát về tình hình SXKD và hiệu quả tài chính bao gồm: (1) Tình hình sản xuất, tiêu thụ, tồn kho của các sản phẩm, hàng hóa chủ yếu; (2) Đánh giá các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đã thực hiện như: doanh thu và chi phí phát sinh liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm trong kỳ, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, thu nhập và chi phí khác, kết quả kinh doanh. Việc giám sát đánh giá dựa trên so sánh giữa chỉ tiêu thực hiện tại kỳ báo cáo với chỉ tiêu kế hoạch năm và chỉ tiêu thực hiện cùng kỳ báo cáo của hai năm trước liền kề năm báo cáo; (3) Đánh giá về hiệu quả hoạt động của công ty: Tỷ suất lợi nhuận (TSLN) thực hiện trên vốn chủ sở hữu, TSLN sau thuế trên

vốn chủ sở hữu (ROE), TSLN sau thuế trên tổng tài sản (ROA).

- Ngoài 3 nội dung giám sát, Nghị định số 87/2015/NĐ-CP còn quy định một số nội dung giám sát khác bao gồm: giám sát việc cân đối dòng tiền; tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật.

### 3. Thực trạng giám sát tài chính tại Tổng công ty Thép Việt Nam

#### 3.1. Xây dựng, ban hành hệ thống văn bản thực hiện giám sát tài chính

Trên cơ sở các quy định quản lý của nhà nước, Tổng công ty Thép Việt Nam (VNS) đã xây dựng ban hành các văn bản phục vụ cho công tác giám sát tại TCT. Các quy định về giám sát thể hiện ở nhiều văn bản khác nhau nhưng các nội dung giám sát chủ yếu tập trung tại “*Quy chế giám sát tài chính - đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của TCT*” ban hành theo Quyết định số 145/QĐ-VNS ngày 03/05/2017. Nội dung giám sát quy định trong quy chế này cũng tập trung vào 3 vấn đề phù hợp với các quy định tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính. Hệ thống báo cáo giám sát của VNS được lập và báo cáo định kỳ 6 tháng/lần.

#### 3.2. Phương thức thực hiện giám sát tài chính

VNS sử dụng đồng thời phương thức giám sát trực tiếp và phương thức giám sát gián tiếp. Do đặc thù hoạt động, TCT đầu tư vốn vào số lượng lớn các công ty con và công ty liên kết nên phương thức giám sát gián tiếp được sử dụng chủ yếu. Đối với phương thức giám sát gián tiếp, định kỳ 6 tháng, VNS tổng hợp báo cáo từ các đơn vị có vốn đầu tư bao gồm báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, lập báo cáo giám sát của TCT. Bên cạnh đó, VNS cũng thực hiện phương pháp trực tiếp thông qua kế hoạch kiểm tra định kỳ tại các DN. Công tác giám sát tài chính được Ban kiểm soát của công ty mẹ thực hiện. Hàng năm, Ban kiểm soát công ty mẹ lập kế hoạch và phối hợp với Ban kiểm soát của công ty con và người đại diện vốn để thực hiện việc kiểm tra, giám sát tài chính đối với các đơn vị có vốn đầu tư của TCT. Hoạt động giám sát trực tiếp được thực hiện theo chuyên đề như giám sát

kế hoạch SXKD; giám sát kế hoạch chi phí, giá thành; giám sát đầu tư sửa chữa lớn... Qua kiểm tra giám sát, Ban kiểm soát đều có báo cáo kết quả giám sát tại mỗi đơn vị và có ý kiến góp ý với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phục vụ công tác quản lý và điều hành trong hệ thống.

#### 3.3. Nội dung giám sát tài chính

Theo quy chế giám sát của TCT, VNS tiến hành giám sát trên 3 nội dung cơ bản:

##### *Giám sát tình hình bảo toàn và phát triển vốn*

Nguồn vốn của VNS bao gồm nguồn vốn do Nhà nước đầu tư tại VNS và vốn do VNS tự huy động. Số vốn điều lệ của VNS được điều chỉnh tăng trong quá trình kinh doanh theo quy định của pháp luật, thủ tục điều chỉnh tăng vốn điều lệ theo quy định của Chính phủ. Ngoài ra, VNS có thể bổ sung vốn điều lệ bằng cách trích từ Quỹ đầu tư phát triển và các nguồn vốn bổ sung khác.

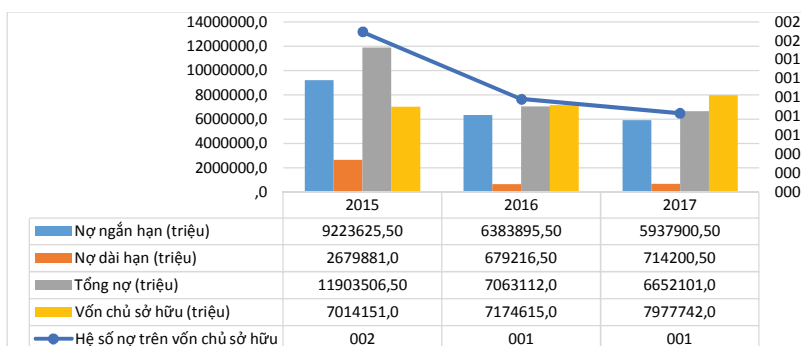
Để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của mình, ngoài số vốn được Nhà nước đầu tư, VNS được quyền chủ động huy động vốn phục vụ SXKD đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của VNS không vượt quá 3 lần. Trong đó: Hội đồng quản trị phê duyệt phương án huy động vốn có giá trị khoản vay tương đương từ 5% đến dưới 30% vốn điều lệ của VNS. Hội đồng quản trị ủy quyền và giao cho Tổng giám đốc quyết định các hợp đồng vay vốn (huy động vốn) có giá trị khoản vay tương đương dưới 5% vốn điều lệ của VNS.

Tình hình nguồn vốn kinh doanh của VNS trong giai đoạn 2015-2017 thể hiện trong Biểu đồ 1.

Như vậy, nguồn vốn kinh doanh của VNS có sự giảm sút trong giai đoạn 2015-2017 từ 18,9 ngàn tỷ xuống còn 14,6 ngàn tỷ. Nguyên nhân là do VNS đã tiến hành chủ trương tái cấu trúc bắt đầu từ năm 2015, thực hiện sắp xếp lại và thoái vốn tại nhiều công ty con và công ty liên kết. Quá trình tái cấu trúc cũng gắn liền với việc cơ cấu lại nợ của công ty, tỷ trọng nợ trên vốn chủ sở hữu giảm liên tục từ 1,7 năm 2015 xuống còn 0,83 năm 2017. Mức độ sử dụng nợ trong giai đoạn này có xu hướng giảm và đảm bảo mức độ an toàn tài chính.

Đối với phần vốn đầu tư của nhà nước tại VNS, TCT được quyền chủ động sử dụng vào

**Biểu đồ 1: Tình hình nguồn vốn của VNS trong giai đoạn 2015-2017 (Triệu đồng)**



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ BCTC hợp nhất của VNS

hoạt động kinh doanh và đầu tư vốn theo quy định của pháp luật và các quyết định của chủ sở hữu. Việc quản lý sử dụng vốn phải đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả, báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu, Bộ Tài chính về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc trường hợp sai phạm khác để thực hiện giám sát theo quy định. Việc sử dụng vốn, quỹ để đầu tư xây dựng phải tuân theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.

**Bảng 1: Tình hình bảo toàn và phát triển vốn tại VNS**

Năm	Chỉ tiêu	Đầu năm	Cuối năm	Hệ số bảo toàn vốn
2015	Vốn chủ sở hữu	7.278.360	6.749.942	0,93
	Vốn góp của CSH	6.780.000	6.780.000	
2016	Vốn chủ sở hữu	6.749.942	7.599.288	1,13
	Vốn góp của CSH	6.780.000	6.780.000	
2017	Vốn chủ sở hữu	7.599.288	8.356.196	1,10
	Vốn góp của CSH	6.780.000	6.780.000	

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ BCTC hợp nhất của VNS

Vốn điều lệ của VNS đến năm 2017 là 6.780 tỷ đồng, trong đó phần vốn đầu tư của nhà nước là 93,7%. Năm 2015, vốn chủ sở hữu của VNS không được bảo toàn, hệ số bảo toàn vốn là 0,93 (<1). Nguyên nhân chủ yếu là do hoạt động kinh doanh của VNS đã thua lỗ nặng nề trong thời gian dài từ năm 2012. Tính đến đầu năm 2014, lỗ lũy kế tại VNS lên đến mức 800 tỷ đồng. Năm 2015,

sau nhiều nỗ lực tái cấu trúc, VNS đã bắt đầu có lãi giảm lỗ lũy kế xuống gần 100 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh của VNS cũng được cải thiện và đạt hiệu quả khả quan trong hai năm tiếp theo làm tăng vốn chủ sở hữu dẫn đến hệ số bảo toàn vốn tăng lên tương ứng là 1,13 và 1,1 năm 2016 và 2017.

Đối với phần vốn vào các công ty con, công ty liên kết, theo báo cáo giám sát của Việt Nam, năm 2017 hầu hết các công ty đều bảo toàn và phát

triển vốn, tuy nhiên còn một số công ty vẫn còn lỗ lũy kế và các khoản nợ khó đòi. Cụ thể 12 công ty còn lỗ lũy kế, 05 công ty có nợ khó đòi ở mức độ cao, 09 công ty nằm trong diện giám sát tài chính đặc biệt.

**Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản**

**Thứ nhất**, về tình hình đầu tư dự án: VNS hiện đang quản lý các dự án đầu tư tại công ty mẹ và các đơn vị hạch toán phụ thuộc cũng như các dự án đầu tư của khối các công ty con và công ty liên kết. Các dự án đầu tư đều được giám sát từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khâu thanh quyết toán dự án. Tính đến cuối năm 2017, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản của công ty mẹ và các đơn vị hạch toán phụ thuộc là 11,23 tỷ đồng, giá trị giải ngân 3,14 tỷ đồng, đạt 28% kế hoạch. Đối với khối các công ty con, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản là 856,14 tỷ đồng, giá trị giải ngân là 148,89 tỷ đồng, đạt 17% kế hoạch. Khối các công ty liên kết, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản là 2.304,69 tỷ đồng, giá trị giải ngân là 115,31 tỷ đồng, đạt 5% so với kế hoạch. Việc thực hiện giải ngân các dự án đầu tư trong toàn hệ thống TCT đạt tỷ lệ rất thấp so kế hoạch (8,43% so với kế hoạch) do có nhiều đơn vị chưa đạt kế hoạch đề ra, nhiều dự án của các đơn vị đăng ký kế hoạch không triển khai thực hiện. Trong năm 2017, TCT có 55 dự án nhóm C hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng đã phát huy hiệu quả SXKD cho các đơn vị, giảm các chi tiêu

tiêu hao góp phần gia tăng lợi nhuận cho các đơn vị trong hệ thống TCT.

**Thứ hai**, tình hình đầu tư vốn ra ngoài DN. Vốn đầu tư ra ngoài DN của VNS chủ yếu tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính tương ứng khoảng 7.120 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng xấp xỉ 90%. VNS có hoạt động đầu tư ngoài ngành kinh doanh chính với số vốn đầu tư khoảng 786 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng xấp xỉ 10%. Các lĩnh vực kinh doanh ngoài ngành bao gồm kinh doanh cho thuê trung tâm thương mại (424,9 tỷ đồng), lĩnh vực cảng biển (76,9 tỷ đồng) và các lĩnh vực khác như giao nhận kho vận, đầu tư xây dựng, vật liệu chịu lửa (284 tỷ đồng). Trong tổng số vốn đầu tư ra ngoài công ty mẹ, có 3.150 tỷ đồng đầu tư vào các công ty con do TCT chiếm tỷ lệ cổ phần chi phối, 4.369,9 tỷ đồng đầu tư vào công ty liên doanh liên kết.

**Thứ ba**, tình hình quản lý tài sản: VNS thực hiện quản lý tài sản theo các quy định trong quy chế Tài chính của TCT, các quy định của Điều lệ và quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị TCT phê duyệt kế hoạch đầu tư mua sắm, nâng cấp tài sản cố định hàng năm với những tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 30% vốn Điều lệ. Trường hợp đầu tư mua sắm, nâng cấp tài sản cố định có giá trị lớn hơn 30% vốn Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Đối với công ty mẹ Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập phương án trình Hội đồng quản trị phê duyệt Kế hoạch đầu tư mua sắm, nâng cấp tài sản cố định hàng năm với những tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 30% vốn điều lệ, tổ chức thực hiện việc mua sắm, nâng cấp tài sản cố định theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị phê duyệt. Đối với mua sắm tài sản cố định không nằm trong kế hoạch năm, Tổng giám đốc được quyết định và chịu trách nhiệm mua sắm tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 500 triệu đồng.

**Thứ tư**, tình hình quản lý nợ phải thu và nợ phải trả: TCT đã ban hành quy chế quản lý nợ nhằm xiết chặt hơn nữa việc quản lý nợ phải thu, phải trả; xác định rõ quyền, trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản nợ, đối chiếu xác nhận, phân loại nợ, đôn đốc thu hồi và chủ động xử lý nợ tồn đọng. Bên cạnh đó, TCT cũng thực hiện kiểm tra công nợ, thẩm định khách hàng, lập hợp đồng

kinh tế tại các đơn vị thuộc TCT nhằm rà soát các lỗ hổng có thể gây rủi ro phát sinh công nợ khó đòi và cảnh báo cho các đơn vị.

Tính đến thời điểm 31/12/2017 tổng các khoản phải thu của Công ty mẹ TCT là 330,3 tỷ đồng trong đó nợ phải thu khách hàng là 321 tỷ đồng. Trong năm 2017, TCT trích lập thêm dự phòng phải thu thêm 72,2 tỷ đồng, số trích lập tại thời điểm 31/12/2017 là 158,97 tỷ đồng. Tổng các khoản phải thu trên báo cáo tài chính hợp nhất tại 31/12/2017 là 1.353,1 tỷ đồng; trong đó, phải thu khách hàng là 1.303,2 tỷ đồng. Số trích lập trong kỳ tăng 68,1 tỷ đồng, số trích lập tại thời điểm 31/12/2017 là 259 tỷ đồng. Tổng nợ phải trả tại 31/12/2017 của Công ty mẹ TCT là 2.253,9 tỷ đồng, trong đó nợ ngắn hạn là 1.641,4 tỷ đồng, nợ dài hạn là 612,5 tỷ đồng. Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu tại 31/12/2017 là 0,34 lần, TCT luôn đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn, không để phát sinh nợ phải trả quá hạn thanh toán. Tổng nợ phải trả tại 31/12/2017 trên báo cáo tài chính hợp nhất của TCT là 6.151,9 tỷ đồng, trong đó nợ ngắn hạn là 5.430,8 tỷ đồng, nợ dài hạn là 721,1 tỷ đồng. Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu tại 31/12/2017 là 0,74 lần.

#### **Giám sát tình hình SXKD và hiệu quả hoạt động tài chính**

Tình hình hoạt động SXKD và hiệu quả hoạt động tài chính của công ty mẹ VNS và các công ty con, công ty liên kết thường xuyên được giám sát và báo cáo với đại diện chủ sở hữu. Thông qua các chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính VNS kịp thời đưa ra giải pháp quản lý hiệu quả vốn đầu tư vào hoạt động kinh doanh và vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết. Kết quả hoạt động kinh doanh của VNS được thể hiện qua Bảng 2.

Các chỉ tiêu cơ bản về kết quả hoạt động kinh doanh của VNS cho thấy mặc dù có sự giảm sút về quy mô tài sản của TCT sau khi thực hiện chương trình tái cấu trúc DN, hiệu quả hoạt động kinh doanh của VNS có xu hướng được cải thiện. Lợi nhuận sau thuế năm 2016 gia tăng mạnh mẽ so với năm 2015, TCT đã thoát lỗ sau giai đoạn khó khăn từ năm 2010 đến năm 2014. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của VNS cũng dần được cải thiện trong giai đoạn 2015-2017. Tuy nhiên,

**Bảng 2: Kết quả kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn tại TCT Thép Việt Nam**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	Chênh lệch 2016-2015		Chênh lệch 2017-2016	
				Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Tổng tài sản	18.917.838	14.242.300	14.634.407	-4.675.538	-24,71%	392.107	2,75%
Vốn chủ sở hữu	7.014.151	7.174.615	7.977.742	160.464	2,29%	803.127	11,19%
Doanh thu thuần	17.094.264	17.849.248	19.802.821	754.984	4,42%	1.953.573	10,94%
Lợi nhuận HĐKD	244.844	905.688	871.323	660.844	269,90%	-34.365	-3,79%
Lợi nhuận ST	172.586	834.623	778.067	662.037	383,60%	-56.556	-6,78%
ROA	0,91%	5,86%	5,32%				
ROE	2,46%	11,63%	9,75%				

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp từ BCTC hợp nhất của VNS

có thể thấy rằng hiệu quả hoạt động của VNS còn chưa thật sự tương xứng với tiềm lực của một DN có quy mô lớn trong ngành thép.

Việc giám sát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con và công ty liên kết được VNS thực hiện theo định kỳ. Trên cơ sở báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính, VNS tiến hành đánh giá các chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh và hiệu quả trên vốn đầu tư của các DN. Các chỉ tiêu chủ yếu để giám sát tình hình tài chính mà VNS sử dụng chủ yếu là TSLN sau thuế trên vốn kinh doanh, TSLN trên vốn đầu tư và TSLN vốn chủ sở hữu. Theo báo cáo giám sát năm 2017, tổng số công ty con và công ty liên kết của VNS là 36 công ty với số vốn đầu tư của TCT là 1.614,3 tỷ đồng, tăng 110% so với năm 2016. Trong số đó: 22/36 công ty hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận trước thuế (8/11 công ty con và 14/25 công ty liên kết) chiếm 61% DN có vốn đầu tư của TCT; 07/36 công ty mặc dù có lãi nhưng không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận; 07/36 công ty thua lỗ bao gồm: MDC-Vnsteel, CĐLK Thái Nguyên, Nasteelvina, Vinapipe, VNS-Daewoo, Thép Tân Thuận và Tân Thành Mỹ. Về hiệu quả hoạt động trên đồng vốn đầu tư: Năm 2017, có 10 công ty có đóng góp lợi nhuận cho công ty mẹ với tỷ suất sinh lời trên vốn đầu tư khá cao, từ 17%-55%; 08 công ty có mức TSLN trên đồng vốn đầu tư dao động từ 10%-15%; 05 công ty có lãi nhưng tỷ suất sinh lời thấp dưới 10%; 06 công ty có lãi nhưng phải bù lỗ lũy kế. Các công ty có tình hình hoạt động kinh doanh thua lỗ được VNS giám sát đặc biệt qua cơ chế giám

sát trực tiếp. VNS chủ động tiến hành đánh giá nguyên nhân thua lỗ và đề ra giải pháp khắc phục.

#### 4. Kết luận

Hoạt động giám sát tài chính tại ĐKT và TCTNN đã đóng một vai trò quan trọng trong công tác quản lý vốn đầu tư nhà nước tại DN. Hoạt động giám sát tài chính đã trở

thành một công cụ đắc lực giúp chủ thể quản lý đánh giá toàn diện tình hình hoạt động của DN trên các khía cạnh: tình hình SXKD, tình hình đầu tư và sử dụng vốn, tình hình bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của nhà nước. Tuy nhiên, hoạt động giám sát tài chính tại các ĐKT và TCTNN mới được triển khai thực hiện trong thời gian ngắn nên còn nhiều bất cập trong quá trình thực hiện. Vì vậy, trong thời gian tới các DN cần tiếp tục nghiêm túc thực hiện các quy định về giám sát tài chính tại Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ và Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính. Ngoài ra, các ĐKT và TCTNN cần tiếp tục chủ động hoàn thiện các thủ tục, quy trình giám sát tài chính phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động và mục tiêu cụ thể của từng đơn vị. Bổ sung các chỉ tiêu giám sát nhằm nhận diện đầy đủ các rủi ro phát sinh trong quá trình đầu tư và sử dụng vốn của nhà nước để có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

#### Tài liệu tham khảo:

Báo cáo thường niên của VNS năm 2015, 2016, 2017.

Báo cáo của Ban kiểm soát VNS năm 2015, 2016, 2017.

Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc ban hành Quy chế về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

Quy chế giám sát tài chính - đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của VNS ban hành theo Quyết định số 145/QĐ-VNS ngày 03/05/2017.